



Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG, PHÂN BỐ NGUỒN VƯỢT THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số: **34** /NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Giải trình
I	Tổng nguồn vượt thu ngân sách thành phố	1.120.000	
1	Vượt thu NSNN trên địa bàn	1.080.000	
a	Nguồn xổ số kiến thiết	17.200	
b	Nguồn thu phí tham quan di tích	75.000	
c	Nguồn cân đối (không gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, phí tham quan di tích)	925.300	
d	Nguồn thu tiền sử dụng đất (gồm khoản thu M3) so với nguồn đã thông báo giải ngân đợt 1	62.500	
2	Vượt thu từ nguồn kết dư ngân sách thành phố năm 2023 chuyển sang	40.000	
II	Phương án phân bổ, sử dụng	1.120.000	
1	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	666.686	Phụ lục II đính kèm
2	Chi bổ sung dự phòng ngân sách thành phố	12.500	
3	Chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội	102.889	Giao UBND thành phố bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương khi HĐND thành phố thông qua phương án sử dụng, bổ sung
a	Kinh phí thăm hỏi và động viên đối tượng chính sách xã hội nhân dịp Tết Nguyên Đán – năm Ất Ty	32.146	Chi tiết từng huyện theo phụ lục III đính kèm
b	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và các đối tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container đi, đến cảng Chân Mây	17.000	Ban Quản lý Khu kinh tế Công nghiệp
c	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn đặc trưng và nhà rường cổ năm 2025	3.770	UBND quận Phú Xuân
d	Kinh phí nâng ngạch lương đối với giáo viên của các quận, huyện, thị xã năm 2024	49.973	Chi tiết từng huyện theo phụ lục IV đính kèm

STT	Nội dung	Số tiền	Giải trình
4	Chi thực hiện một số dự án quan trọng	337.925	
4.1	Chi thực hiện các dự án đầu tư công của thành phố	268.809	Phương án chi tiết theo Phụ lục V đính kèm. Bổ sung trung hạn và bổ sung kế hoạch vốn cho từng dự án có Nghị quyết riêng
a	- Chi đầu tư từ nguồn thu phí tham quan di tích	75.000	
b	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	17.200	
c	- Chi đầu tư các công trình dự án đầu tư công khác	176.609	
4.2	Chi thực hiện một số dự án không thuộc kế hoạch đầu tư công	36.800	Giao UBND thành phố bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương khi đã đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định sau khi HĐND thành phố thông qua phương án sử dụng, bổ sung
a	Dự án điều tra hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố	12.700	Sở Nông nghiệp và Môi trường
b	Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng trường bắn biển	12.000	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố
c	Sửa chữa đường tỉnh 12D (xã Hương Thọ và xã Bình Thành)	6.500	Sở Xây dựng
d	Cải tạo, sửa chữa Khối nhà chung cư CC1, CC4 để bố trí trụ sở làm việc các đơn vị thuộc Công an thành phố Huế	5.600	Công an thành phố Huế
4.3	Chi xử lý rác đảm bảo vệ sinh môi trường (điện rác của Nhà máy xử lý rác thải Phú Sơn)	10.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường
4.4	Chi hỗ trợ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng Quốc lộ 49	22.316	Phụ lục VI đính kèm. Giao UBND thành phố bổ sung kinh phí cho các địa phương khi đã đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định sau khi HĐND thành phố thông qua phương án sử dụng, bổ sung



Phụ lục II

NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THỰC HIỆN SO VỚI DỰ TOÁN NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: **34/NQ-HĐND** ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán ngân sách thành phố (HĐND giao)	Số thực hiện	Ghi chú
I	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2024			
1	Thu ngân sách thành phố năm 2024	8.505.500	8.824.496	
a	Dự toán thu cân đối năm 2024 thành phố	8.505.500	8.784.416	Không gồm khoản thu huy động đóng góp
b	Thu kết dư ngân sách thành phố		40.080	
2	Các khoản thu được loại trừ không tính huy động cải cách tiền lương	2.339.000	1.705.587	
a	Thu tiền sử dụng đất	1.974.000	1.235.373	
b	Thu xổ số kiến thiết	120.000	137.196	
c	Thu tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất công	-	-	
d	Thu bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	2.000	1.479	
	Tiền bảo vệ đất trồng lúa	3.000	14.335	
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	38.000	37.302	
	phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	42.000	44.871	
	Thu phí tham quan di tích	160.000	235.031	
3	Dự toán thu còn lại sau khi loại trừ để tính huy động cải cách tiền lương	6.166.500	7.118.909	= I.1 - I.2
II	Tăng thu thực hiện so với dự toán		952.409	= dòng I.3 (thực hiện) - dòng I.3 (dự toán)
III	70% số tăng thu tạo nguồn cải cách tiền lương		666.686	(=70% x II)



Phụ lục III

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Nghị quyết số: **34** /NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán bổ sung
	TỔNG CỘNG	32.146
	Kinh phí thăm hỏi và động viên đối tượng chính sách xã hội nhân dịp Tết Nguyên Đán – năm Ất Tỵ	32.146
1	Thị xã Phong Điền	4.199
2	Huyện Quảng Điền	2.749
3	Thị xã Hương Trà	2.289
4	Thị xã Hương Thủy	2.336
5	Huyện Phú Vang	3.485
6	Huyện Phú Lộc	4.897
8	Huyện A Lưới	3.295
7	Quận Thuận Hóa	4.814
9	Quận Phú Xuân	4.083



Phụ lục IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG TĂNG THÊM DO XẾP LƯƠNG, NÂNG CHUẨN GIÁO VIÊN NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: **34/NQ-HĐND** ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
	Tổng cộng	49.973	Thực hiện theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập
1	Thị xã Phong Điền	4.042	
2	Huyện Quảng Điền	3.548	
3	Thị xã Hương Trà	4.016	
4	Thị xã Hương Thủy	4.059	
5	Huyện Phú Vang	5.874	
6	Huyện Phú Lộc	8.388	
7	Huyện A Lưới	3.030	
8	Quận Thuận Hóa	9.661	
9	Quận Phú Xuân	7.355	



Phụ lục V
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 34-NQ/HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố	Số vốn ngân sách thành phố đã giải ngân 2021, 2022, 2023, 2024 và số bố trí năm 2025	Vốn bố trí đến nay		Phương án bổ sung kế hoạch vốn năm 2025 nguồn vốn vượt thu ngân sách tỉnh năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ DABT; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ PD dự án; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư								
								Tổng số	Tr.đó: NSTW							
	TỔNG CỘNG					3.069.561		3.083.431	948.912	567.600	548.868	1.704.354	162.500	268.809		
I	Chi đầu tư từ nguồn thu phí tham quan di tích					908.394		922.264	0	372.100	371.411	467.897	105.000	75.000		
1	Dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống kinh thành Huế - Hợp phần tu bổ, tôn tạo di tích.	P.Xuân	2012-2025		13 ngày 26/02/2021	497.634	13 ngày 26/02/2021	497.634		118.200	118.128	214.436	26.000	38.000	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	
2	Dự án Tu bổ, phục hồi và tôn tạo di tích Điện Cần Chánh	P.Xuân	2023-2026		102 ngày 14/10/2021	199.943	2301 ngày 28/8/2024	199.943		95.500	95.500	95.500	32.500	15.000	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	
3	Bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị tổng thể di tích lăng vua Thiệu Trị (giai đoạn 3)	T.Hóa	2023-2026		99 ngày 14/10/2021	60.584	3001 ngày 19/12/2023	60.584		32.000	31.683	31.683	10.500	2.000	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	
4	Bảo tồn, tu bổ di tích Đàn Nam Giao(giai đoạn 1)	T.Hóa	2018-2025		441 ngày 17/3/2016	10.028	2489 ngày 30/10/2018	23.898		14.000	14.000	14.000	0	2.500	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Thanh toán KLHT
5	Tu bổ, phục hồi di tích Đàn Nam giao (phần còn lại)	T.Hóa	2021-2025		101 ngày 14/10/2021	40.382	529 ngày 04/3/2024	40.382		35.000	34.700	34.878	15.000	2.500	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	Thanh toán KLHT
6	Dự án Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lăng vua Tự Đức (phần còn lại)	T.Hóa	2023-2026		98 ngày 14/10/2021	99.823	2095 ngày 11/9/2023	99.823		77.400	77.400	77.400	21.000	15.000	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	
II	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					250.084		250.084	55.000	121.500	113.457	113.457	32.500	17.200		
a	Các công trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô Huế					60.584		60.584		32.000	31.683	31.683	10.500	1.800		
1	Bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị tổng thể di tích lăng vua Thiệu Trị (giai đoạn 3)	T.Hóa	2023-2026		99 ngày 14/10/2021	60.584	3001 ngày 19/12/2023	60.584		32.000	31.683	31.683	10.500	1.800	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	
b	Các dự án khác					189.500	0	189.500	55.000	89.500	81.774	81.774	22.000	15.400		
1	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục Trường Chuyên Quốc Học Huế	T.Hóa	2023-2025		3536 ngày 31/12/2021; 1188 ngày 25/5/2023	39.900	1006 ngày 15/4/2024	39.900		16.500	16.100	16.100	11.000	7.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị	
2	Trường THPT Đặng Huy Trứ	H.Trà	2023-2025		2396 ngày 24/9/2021; 131 ngày 10/01/2023	39.000	1860 ngày 07/8/2023	39.000		28.000	21.600	21.600	9.300	2.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị	
3	Trường THPT Thừa Lưu (giai đoạn 2)	P.Lộc	2022-2025		1842 ngày 28/7/2021	35.600	1138 ngày 13/5/2022	35.600		33.000	33.000	33.000	1.700	2.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị	
4	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện đa khoa Bình Điền và Trung tâm Y tế huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	H.Trà, Q.Điền	2023-2025	3.313m2	68 ngày 14/7/2022 95 ngày 07/9/2022	75.000	2419 ngày 05/10/2022	75.000	55.000	12.000	11.074	11.074		4.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị	
III	Các dự án đầu tư công khác					1.911.083		1.911.083	893.912	74.000	64.000	1.123.000	25.000	176.609		
a	Các dự án cấp thành phố quản lý					1.288.133		1.288.133	893.912	74.000	64.000	943.000	25.000	126.609		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu xen ghép TĐC5 và khu CTR13 thuộc khu A – Đô thị mới An Vân Dương	T.Hoà	2022-2025		994 ngày 20/4/2019; 2257 ngày 21/8/2024	28.491	2358 ngày 24/9/2019; 2625 ngày 12/10/2024	28.491		0	0	0	0	20.675	Quỹ Đầu tư phát triển	Hoàn trả chi phí đã đầu tư cho Quỹ đầu tư phát triển

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố	Số vốn ngân sách thành phố đã giải ngân 2021, 2022, 2023, 2024 và số bố trí năm 2025	Vốn bố trí đến nay		Phương án bổ sung kế hoạch vốn năm 2025 nguồn vốn vượt thu ngân sách tính năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số QĐ DAĐT; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ PD dự án; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Tr.đó: NSTW			Tổng số	Trong đó: năm 2025			
2	Cấp vốn để thực hiện cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 23/12/2024 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025	P.Lộc, A Lưới	2025	258 hộ	1995/UBND-XH ngày 26/02/2025	10.392	3572/UBND-XH ngày 31/3/2025	10.392	0	0	0	0	0	10.392	Ngân hàng chính sách xã hội	
3	Kê chống sạt lở bờ biển đoạn qua thôn Tân An - Trung An - Xuân An, xã Phú Thuận, huyện Phú Vang	P.Vang	2024-2025		01 ngày 26/01/2024	250.000	1151 ngày 06/5/2024	250.000	200.000	0	0	200.000	0	33.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	
4	Nâng cấp hệ thống đê sông Thiệu Hóa	P.Vang	2021-2025	13,4km	132 ngày 13/11/2020 63 ngày 16/7/2021; 124 ngày 09/12/2022	140.000	2226 ngày 09/9/2021; 351 ngày 15/02/2022	140.000	110.000	20.000	10.000	120.000	0	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Thanh toán KLHT
5	Đường cứu hộ cứu nạn thị trấn Phong Điền - Điền Lộc	P.Điền	2021-2025		1330 ngày 10/7/2015 609 ngày 5/3/2020; 04 ngày 26/01/2024	754.027	1330 ngày 10/7/2015 609 ngày 5/3/2020 1796 ngày 28/7/2022 2367 ngày 30/9/2022; 1067 ngày 24/4/2024	754.027	583.912	54.000	54.000	623.000	25.000	33.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	HT2025, dự kiến đưa vào sử dụng 9/2025
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Tỉnh 9 đoạn qua Khu công nghiệp Phong Điền	P.Điền	2025-2027		Đã trình UB	5.474		5.474		0	0	0	0	4.542	Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp	
7	Chuyển đổi số triển khai giai đoạn 2024 – 2025	Huế	2025-2027		2478 ngày 24/9/2024	39.565		39.565		0	0	0	0	5.000	Sở Khoa học và Công nghệ	
8	Nâng cấp mở rộng đường Nam Cao (đoạn từ QL 1A đến đường tránh thành phố Huế)	H.Thủy	2025-2027			60.184		60.184		0	0	0	0	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	
b	Hỗ trợ ngân sách các quận Phú Xuân, Thuận Hóa thực hiện một số dự án					622.950		622.950	0	0	0	180.000	0	50.000		
1	Chỉnh trang đường lên đỉnh Núi Kim Phụng	P.Xuân	2025-2026		76/NQ-HBND ngày 20/12/2025; 509/QĐ-UBND ngày 14/02/2025	28.555	651/QĐ-UBND ngày 24/2/2025	28.555		0	0	0	0	15.000	UBND quận Phú Xuân	
2	Trưởng Mầm non Phú Hội (cơ sở 26 Lê Quý Đôn)	T.Hóa	2025-2026			53.333		53.333	-	0	0	0	0	20.000	UBND quận Thuận Hóa	Đền bù, GPMB 19,52 tỷ đồng
3	Nâng cấp mở rộng đường Bà Triệu	T.Hóa	2022-2025		78/NQ-HBND ngày 29/11/2021; 1346/QĐ-UBND ngày 10/03/2022	541.062	78/NQ-HBND ngày 29/11/2021; 1346/QĐ-UBND ngày 10/03/2022	541.062		0	0	180.000	0	15.000	UBND quận Thuận Hóa	Đảm bảo đủ điều kiện khởi công năm 2025



Phụ lục VI

DỰ TOÁN KINH PHÍ BỔ SUNG MỤC TIÊU THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN

(Kèm theo Nghị quyết số: **34/NQ-HĐND** ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán bổ sung
	TỔNG CỘNG	22.316
1	Thị xã Phong Điền	15.100
	Kinh phí GPMB để thi công Công trình GPMB để thi công nâng cấp Quốc lộ 49B đoạn Km 3+794 - Km 3+974; Km 4+274 - Km 5+700 thuộc địa phận phường Phong Hòa, xã Phong Bình, thị xã Phong Điền	15.100
2	Huyện Quảng Điền	4.603
	Kinh phí GPMB dự án: Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, gia cố mái taluy nền đường Km31+000-Km32+554, Quốc lộ 49B (đoạn qua huyện Quảng Điền)	3.703
	Kinh phí GPMB để thi công nâng cấp Quốc lộ 49B đoạn qua địa bàn huyện Quảng Điền	900
3	Huyện A Lưới	2.613
	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình đoạn Km89+754-Km101+300/QL.49	2.613

